TRUNG TÂM CÔNG BÁO VÀ TIN HỌC
ttcbth@quangngai.gov.vn
14.03.2025 15:52:30 +07:00

Ký bởi: Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi
Cơ quan: Tỉnh Quảng Ngãi
Thời gian ký: 14/03/2025 15:31:59

ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 406 /QĐ-UBND	*Quảng Ngãi, ngày 14 tháng 3 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành Kè chắn cát cảng Dung Quất (giai đoạn 2)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Căn cứ Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11/11/2021 của Bộ Tài chính quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán;

Căn cứ Quyết định số 414/QĐ-UBND ngày 10/3/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Kè chắn cát cảng Dung Quất (giai đoạn 2);

Căn cứ các Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh: số 1979/QĐ-UBND ngày 26/10/2017, số 01/QĐ-UBND ngày 04/01/2021 về việc phê duyệt và phê duyệt điều chỉnh dự án Kè chắn cát cảng Dung Quất (giai đoạn 2);

Theo đề nghị của Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi tại Tờ trình số 11/TTr-BQL ngày 08/3/2024 và Công văn số 3940/BQL-KHTH ngày 25/12/2024; đề xuất của Giám đốc Sở Tài chính tại Báo cáo số 97/BC-STC ngày 01/7/2024; Công văn số 22/STC-TCĐT ngày 02/01/2025 và Công văn số 483/STC-TCĐT ngày 13/02/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành

1. Tên dự án: Kè chắn cát cảng Dung Quất (giai đoạn 2).

2. Chủ đầu tư: Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi.

3. Địa điểm xây dựng: Huyện Bình Sơn.

4. Thời gian khởi công, hoàn thành (thực tế): Bắt đầu tháng 12/2018, hoàn thành tháng 11/2021.

Điều 2. Kết quả đầu tư

1. Chi phí đầu tư:

Đơn vị tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán	Giá trị quyết toán được phê duyệt
1	Xây dựng (bao gồm hạng mục chung)	216.139.845.302	207.455.154.085
2	Quản lý dự án	4.153.548.000	4.153.548.000
3	Tư vấn ĐTXD	10.875.228.495	10.335.368.000
4	Chi phí khác (không bao gồm hạng mục chung)	4.384.732.678	2.813.997.000
5	Dự phòng	15.856.840.525	0
	Tổng số	**251.410.195.000**	**224.758.067.085**

(Chi tiết tại Phụ lục 1 kèm theo)

2. Vốn đầu tư:

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Dự toán được phê duyệt	Thực hiện			
		Giá trị quyết toán được phê duyệt	Số vốn đã giải ngân	Số vốn phải thu hồi nộp NSNN	Số vốn còn được thanh toán
1	2	3	4	5	6=3-4+5
Ngân sách tỉnh	251.410.195.000	224.758.067.085	227.774.977.000	3.120.096.915	103.187.000

3. Giá trị tài sản hình thành sau đầu tư:

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Thuộc chủ đầu tư quản lý		Giao đơn vị khác quản lý	
	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi (nếu có)	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi (nếu có)
Tổng số	**224.758.067.085**		**0**	
1. Tài sản dài hạn (tài sản cố định)	224.758.067.085		0	
2.Tài sản ngắn hạn	0		0	

4. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản: 0 đồng.

5. Vật tư thiết bị tồn đọng: Không có.

Điều 3. Trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị liên quan

1. Trách nhiệm của chủ đầu tư:

1.1. Được phép tất toán chi phí và vốn đầu tư là:

Đơn vị tính: đồng

Số TT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
1	Ngân sách tỉnh	224.758.067.085	

1.2. Các khoản công nợ tính đến thời điểm thẩm tra:

- Tổng nợ phải thu: 3.120.096.915 đồng.

- Tổng nợ phải trả: 103.187.000 đồng.

Thực hiện công nợ: Thu hồi 3.120.096.915 đồng nộp vào ngân sách tỉnh (qua Tài khoản 7111 mở tại KBNN Quảng Ngãi); bố trí vốn ngân sách tỉnh 103.187.000 đồng để trả nợ quyết toán dự án hoàn thành.

(Chi tiết tại Phụ lục 2 kèm theo)

2. Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận tài sản:

- Được phép ghi tăng tài sản: 224.758.067.085 đồng.

- Đơn vị tiếp nhận tài sản: Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi.

3. Trách nhiệm của các đơn vị, cơ quan có liên quan:

a) Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện ý kiến của Giám đốc Sở Tài chính tại Báo cáo thẩm tra số 97/BC-STC ngày 01/7/2024 và nội dung quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành được phê duyệt tại Quyết định này.

b) Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh bố trí vốn trả nợ quyết toán dự án hoàn thành theo quy định.

c) Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi đôn đốc chủ đầu tư thực hiện công nợ, tất toán tài khoản dự án đã được phê duyệt quyết toán theo quy định.

d) Sở Tài chính, Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi chịu trách nhiệm về nội dung quyết toán, hồ sơ, số liệu, nội dung tham mưu, đề xuất Chủ tịch UBND tỉnh theo quy định.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Xây dựng; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi; Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi, Chủ tịch UBND huyện Bình Sơn và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 5;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VPUB: PCVP;
- Cổng TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KTN153.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Phước Hiền

Phụ lục 1

BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ ĐẦU TƯ ĐƯỢC QUYẾT TOÁN

DỰ ÁN: KÈ CHẮN CÁT CẢNG DUNG QUẤT (GIAI ĐOẠN 2)

(Kèm theo Quyết định số: 406 /QĐ-UBND ngày 14 / 3/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: đồng

STT	Cơ cấu chi phí	Giá trị dự toán được duyệt	Giá trị Chủ đầu tư trình	Giá trị quyết toán	Chênh lệch tăng (+), giảm (-) so với dự toán	Chênh lệch tăng (+), giảm (-) so với đề nghị
1	2	3	4	5	6=5-3	7=5-4
I	**Chi phí xây dựng (bao gồm hạng mục chung)**	**216.139.845.302**	**207.455.154.085**	**207.455.154.085**	**-8.684.691.217**	**0**
II	**Chi phí quản lý dự án**	**4.153.548.000**	**4.153.548.000**	**4.153.548.000**	**0**	**0**
III	**Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng**	**10.875.228.495**	**10.345.398.000**	**10.335.368.000**	**-539.860.495**	**-10.030.000**
1	Lập nhiệm vụ, dự toán khảo sát lập báo cáo nghiên cứu khả thi	23.000.000	23.000.000	23.000.000	0	0
2	Khảo sát, lập báo cáo nghiên cứu khả thi	1.844.349.000	1.779.454.000	1.779.454.000	-64.895.000	0
3	Giám sát khảo sát bước dự án	31.462.000	31.462.000	31.462.000	0	0
4	Lập kế hoạch bảo vệ môi trường	58.700.000	58.700.000	58.700.000	0	0
5	Thẩm tra báo cáo nghiên cứu khả thi	120.952.000	120.952.000	120.952.000	0	0
6	Tư vấn phản biện báo cáo nghiên cứu khả thi	93.000.000	93.000.000	93.000.000	0	0
7	Lập nhiệm vụ khảo sát bước thiết kế	17.351.000	17.351.000	17.351.000	0	0
8	Khảo sát, lập thiết kế bản vẽ thi công, dự toán	2.942.655.986	2.938.676.000	2.938.676.000	-3.979.986	0
9	Giám sát khảo sát bước thiết kế	23.551.362	23.389.000	23.389.000	-162.362	0
10	Thẩm tra TKBVTC-dự toán	308.105.614	301.000.000	301.000.000	-7.105.614	0
11	Giám sát thi công xây dựng	3.305.823.107	2.893.573.000	2.883.543.000	-422.280.107	-10.030.000
12	Quan trắc lún và Kiểm định chất lượng công trình	1.968.400.000	1.929.470.000	1.929.470.000	-38.930.000	0
13	Lập HSMT và đánh giá HSDT các gói thầu: tư vấn thiết kế, xây lắp, kiểm toán, quan trắc lún và kiểm định chất lượng công trình	137.878.426	135.371.000	135.371.000	-2.507.426	0

STT	Cơ cấu chi phí	Giá trị dự toán được duyệt	Giá trị Chủ đầu tư trình	Giá trị quyết toán	Chênh lệch tăng (+), giảm (-) so với dự toán	Chênh lệch tăng (+), giảm (-) so với đề nghị
1	2	3	4	5	6=5-3	7=5-4
IV	**Chi phí khác (không bao gồm hạng mục chung)**	**4.384.732.678**	**2.813.997.000**	**2.813.997.000**	**-1.570.735.678**	**0**
1	Thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi	12.997.000	12.997.000	12.997.000	0	0
2	Bảo hiểm công trình	2.203.367.356	1.104.999.000	1.104.999.000	-1.098.368.356	0
3	Thẩm định TKBVTC	48.836.540	48.835.000	48.835.000	-1.540	0
4	Thẩm định kết quả LCNT các gói thầu: tư vấn thiết kế, xây lắp, kiểm toán, bảo hiểm	53.339.102	50.000.000	50.000.000	-3.339.102	0
5	Rà phá bom mìn, vật nổ dưới nước	1.015.334.000	595.604.000	595.604.000	-419.730.000	0
6	Chi phí sử dụng khu vực biển theo Thông báo số 149/TB-CCT ngày 27/3/2020	43.740.000	43.740.000	43.740.000	0	0
7	Kiểm toán độc lập	774.270.269	735.980.000	735.980.000	-38.290.269	0
8	Thẩm tra, phê duyệt quyết toán	232.848.411	221.842.000	221.842.000	-11.006.411	0
V	**Dự phòng**	**15.856.840.525**	**0**	**0**	**-15.856.840.525**	**0**
	Tổng cộng:	**251.410.195.000**	**224.768.097.085**	**224.758.067.085**	**-26.652.127.915**	**-10.030.000**

Phụ lục 2

BẢNG CÔNG NỢ

DỰ ÁN: KÈ CHẮN CÁT CẢNG DUNG QUẤT (GIAI ĐOẠN 2)

(Kèm theo Quyết định số: 406 /QĐ-UBND ngày 14/ 3/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: đồng

STT	Đơn vị	Nội dung	Giá trị quyết toán	Số vốn đã giải ngân	Công nợ đến thời điểm thẩm tra	
					Phải thu	Phải trả
1	2	3	4	5	6=5-4	7=4-5
I		**Chi phí xây dựng (bao gồm hạng mục chung)**	**207.455.154.085**	**210.564.245.000**	**3.109.090.915**	**0**
1	Công ty Cổ phần Xây dựng Lũng Lô 2	Thi công	61.957.949.827	62.875.222.000	917.272.173	0
2	Công ty TNHH Xây dựng Đồng Khánh	Thi công	24.956.845.677	25.319.467.000	362.621.323	0
3	Công ty TNHH CP Xây dựng Tân Nam	Thi công	22.347.058.292	22.701.278.000	354.219.708	0
4	Công ty Cổ phần Xây dựng Đô thị và Khu công nghiệp (nhà thầu phụ)	Thi công	24.628.546.265	24.964.369.000	335.822.735	0
5	Công ty TNHH Cơ giới và Xây lắp Việt Đức (nhà thầu phụ)	Thi công	37.728.204.169	38.389.875.000	661.670.831	0
6	Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Gia Hưng (nhà thầu phụ)	Thi công	35.836.549.855	36.314.034.000	477.484.145	0
II		**Chi phí quản lý dự án**	**4.153.548.000**	**4.153.548.000**	**0**	**0**
	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng	Quản lý dự án	4.153.548.000	4.153.548.000	0	0
III		**Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng**	**10.335.368.000**	**10.294.961.000**	**0**	**40.407.000**

STT	Đơn vị	Nội dung	Giá trị quyết toán	Số vốn đã giải ngân	Công nợ đến thời điểm thẩm tra	
					Phải thu	Phải trả
1	2	3	4	5	6=5-4	7=4-5
1	Viện Xây dựng công trình biển	Lập nhiệm vụ, dự toán khảo sát lập báo cáo nghiên cứu khả thi	23.000.000	23.000.000	0	0
2	Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Cảng - Đường thủy	Khảo sát, lập báo cáo nghiên cứu khả thi	1.779.454.000	1.779.454.000	0	0
3	Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng công trình Hồng Hưng	Giám sát khảo sát bước dự án	31.462.000	31.462.000	0	0
4	Trung tâm Kỹ thuật Quan trắc Môi trường	Lập kế hoạch bảo vệ môi trường	58.700.000	58.700.000	0	0
5	Viện Cảng kỹ thuật hàng hải Trường Đại học Xây dựng	Thẩm tra báo cáo nghiên cứu khả thi	120.952.000	120.952.000	0	0
6	Viện Xây dựng công trình biển	Tư vấn phản biện báo cáo nghiên cứu khả thi	93.000.000	93.000.000	0	0
7	Công ty Cổ phần tư vấn Xây dựng và Đầu tư Quảng Ngãi	Lập nhiệm vụ khảo sát bước thiết kế	17.351.000	17.351.000	0	0
8	Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Cảng - Đường thủy	Khảo sát, lập thiết kế bản vẽ thi công, dự toán	2.938.676.000	2.938.676.000	0	0
9	Công ty Cổ phần tư vấn Xây dựng và Đầu tư Quảng Ngãi	Giám sát khảo sát bước thiết kế	23.389.000	23.389.000	0	0
10	Công ty Cổ phần VPCC Tư vấn - Xây dựng	Thẩm tra TKBVTC-dự toán	301.000.000	301.000.000	0	0
11	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng	Giám sát thi công xây dựng	2.883.543.000	2.843.136.000	0	40.407.000
12	Trung tâm Khoa học công nghệ và tư vấn đầu tư	Quan trắc lún và Kiểm định chất lượng công trình	1.929.470.000	1.929.470.000	0	0

STT	Đơn vị	Nội dung	Giá trị quyết toán	Số vốn đã giải ngân	Công nợ đến thời điểm thẩm tra	
					Phải thu	Phải trả
1	2	3	4	5	6=5-4	7=4-5
13	Công ty TNHH Tư vấn và Xây dựng Châu Trung	Lập HSMT các gói thầu: tư vấn thiết kế, xây lắp, kiểm toán, quan trắc lún và kiểm định chất lượng công trình	78.908.000	78.908.000	0	0
14	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng	Đánh giá HSDT các gói thầu: tư vấn thiết kế, xây lắp, kiểm toán, quan trắc lún và kiểm định chất lượng công trình	56.463.000	56.463.000	0	0
IV		**Chi phí khác (không bao gồm hạng mục chung)**	**2.813.997.000**	**2.762.223.000**	**11.006.000**	**62.780.000**
1	Sở Giao thông vận tải	Thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi	12.997.000	12.997.000	0	0
2	Công ty Bảo hiểm PVI Nam Trung Bộ - Tổng Công ty Bảo hiểm PVI	Bảo hiểm công trình	1.104.999.000	1.104.999.000	0	0
3	Sở Giao thông vận tải	Thẩm định TKBVTC	48.835.000	48.835.000	0	0
4	Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi	Thẩm định kết quả LCNT các gói thầu: tư vấn thiết kế, xây lắp, kiểm toán, bảo hiểm	50.000.000	50.000.000	0	0
5	Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị Bộ Quốc Phòng	Rà phá bom mìn	590.038.000	590.038.000	0	0
6	Cơ quan chủ nhiệm Công Binh - Quân khu 5	Kiểm tra giám định chất lượng rà phá bom mìn	5.566.000	5.566.000	0	0

STT	Đơn vị	Nội dung	Giá trị quyết toán	Số vốn đã giải ngân	Công nợ đến thời điểm thẩm tra	
					Phải thu	Phải trả
1	2	3	4	5	6=5-4	7=4-5
7	Chi cục thuế huyện Bình Sơn	Chi phí sử dụng khu vực biển theo Thông báo số 149/TB-CCT ngày 27/3/2020	43.740.000	43.740.000	0	0
8	Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM	Kiểm toán độc lập	735.980.000	673.200.000	0	62.780.000
9	Sở Tài chính	Thẩm tra, phê duyệt quyết toán	221.842.000	232.848.000	11.006.000	0
	Tổng cộng:		**224.758.067.085**	**227.774.977.000**	**3.120.096.915**	**103.187.000**